

Phân tích mô hình thương mại quốc tế của các doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam

HỘI THẢO “HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM-HÀN QUỐC: 10 NĂM HỢP TÁC VÀ TRIỂN VỌNG TƯƠNG LAI”

Kim Bawoo

Samsung Electronics, Bộ phận DX

24.11.2025

Trang 1/21

Tuyên bố miễn trách

Tài liệu này được xây dựng trên quan điểm cá nhân của nhà nghiên cứu, nội dung chính dựa trên các nghiên cứu được thực hiện khi tác giả làm việc tại Viện Nghiên cứu Công nghiệp. Ngoài ra, tài liệu này không đại diện cho quan điểm của doanh nghiệp mà tác giả đang công tác hiện tại là Samsung Electronics và mọi sai sót đều thuộc về trách nhiệm của tác giả.

- Kim Bawoo, Jung Sun-in, Kim Jung-hyun (2020), So sánh mô hình thương mại quốc tế của doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam, Bài báo chuyên đề của Viện Nghiên cứu Công nghiệp
- Kim Bawoo, Kim Jung-hyun, Jung Sun-in (2022), Phân tích mô hình thương mại quốc tế của doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam, Bài báo chuyên đề của Viện Nghiên cứu Công nghiệp
- Choi Jung-hwan, Kim Bawoo, Kim Jung-hyun (2023), Cấu trúc thương mại quốc tế của doanh nghiệp Hàn Quốc và Nhật Bản tại Việt Nam, Nghiên cứu Kinh tế Quốc tế

Trang 2/21

Mục lục

- 1. Bối cảnh nghiên cứu**
- Nghiên cứu trước đây
- Dữ liệu phân tích
- Kết quả phân tích

Trang 3/21

1. Bối cảnh nghiên cứu

Bối cảnh nghiên cứu

Cơ cấu phân công lao động quốc tế trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương đã thay đổi nhanh chóng trong 10 năm qua

- Do chi phí sản xuất tại Trung Quốc gia tăng và xung đột địa chính trị, các doanh nghiệp Hàn Quốc đang chuyển dần các cơ sở sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam và các quốc gia khác
- Sau tranh chấp thương mại Mỹ-Trung vào năm 2018, thị phần Trung Quốc tại thị trường Mỹ giảm trong khi thị phần Việt Nam tăng rõ rệt
- Việt Nam đang nổi lên như một địa điểm sản xuất mới và là nền tảng xuất khẩu cho các doanh nghiệp Đông Á, đặc biệt là các doanh nghiệp ICT
- Việc cơ cấu phân công lao động Hàn-Trung thời gian gần đây chuyển dịch sang lĩnh vực thương mại thông thường cũng phản ánh sự thay đổi trong cấu trúc phân công lao động quốc tế

Trang 4/21

Bối cảnh nghiên cứu

Quy mô thương mại và đầu tư giữa hai nước đã ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ sau Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc được ký kết

- Thương mại song phương tăng từ 30,3 tỷ USD năm 2014 lên 86,7 tỷ USD năm 2024, tăng trưởng bình quân 11% mỗi năm
- Trong cùng kỳ, thương mại toàn cầu của Việt Nam chỉ tăng trưởng bình quân 4,2% và Hàn Quốc là 1,8%, tạo ra sự tương phản rõ rệt
- Đầu tư của Hàn Quốc vào Việt Nam tính đến năm 2014 mới chỉ đạt 1,16 tỷ USD, nhưng sau khi ký FTA đã ghi nhận 2,77 tỷ USD đầu tư mới trong 10 năm
- Đặc biệt, Việt Nam đã nổi lên như đối tác nhập khẩu chính của Mỹ, gần đây đã vượt qua Hàn Quốc về kim ngạch nhập khẩu

Trang 5/21

Bối cảnh nghiên cứu

Các doanh nghiệp Hàn Quốc đầu tư ra nước ngoài là lý do lớn nhất làm thay đổi cơ cấu thương mại Hàn-Việt, tuy nhiên nếu chỉ dựa trên số liệu thống kê quốc gia thì vẫn có hạn chế trong việc tìm hiểu thông tin.

- Quy mô thương mại của các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài còn đóng vai trò quan trọng về mặt chính sách vì nó quyết định vai trò của Hàn Quốc trong cơ cấu lao động toàn cầu
- Phương pháp phân tích truyền thống coi toàn bộ quốc gia là một chủ thể kinh tế duy nhất, do đó có hạn chế trong việc nắm bắt xu hướng thương mại của các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài
- Hướng dẫn về lập thống kê thương mại thế giới (IMTS) khuyến nghị tách biệt quốc gia xuất xứ và quốc gia giao hàng trong thống kê, nhưng do không có tính ràng buộc, thống kê thương mại dựa trên hải quan chỉ ghi nhận thông tin quốc gia xuất xứ

Trang 6/21

Bối cảnh nghiên cứu

Phân tích hành vi phân công lao động quốc tế của các doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam trên cơ sở dữ liệu vận đơn

- Sử dụng vận đơn để xác định và kiểm chứng các đặc điểm trong cơ cấu thương mại quốc tế của các doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam
- Vận đơn (Bill of Lading, gọi tắt là B/L) là chứng từ có giá do công ty vận tải biển phát hành khi chủ hàng và công ty vận tải ký hợp đồng vận tải biển, là cơ sở của hối phiếu (documentary bill), phương tiện thanh toán trong thương mại quốc tế
- Xác định các doanh nghiệp Hàn Quốc trên vận đơn và so sánh cơ cấu thương mại của họ với các doanh nghiệp Nhật Bản để làm rõ hành vi phân công lao động quốc tế Việt - Hàn

Trang 7/21

2. Nghiên cứu trước đây

Mục lục

1. Bối cảnh nghiên cứu
- 2. Nghiên cứu trước đây**
3. Dữ liệu phân tích
4. Kết quả phân tích

Trang 8/21

Nghiên cứu trước đây

FDI và thương mại quốc tế

- FDI theo chiều ngang: Mục đích tiết kiệm chi phí giao dịch và thâm nhập thị trường địa phương
 - Nghiên cứu liên quan: Markusen (1984); Brainard (1997); Helpman, Melitz, and Yeaple (2004)
- FDI theo chiều dọc: Mục đích giảm chi phí sản xuất do chênh lệch giá thành phần
 - Nghiên cứu liên quan: Helpman (1984); Hanson, Mataloni, and Slaughter (2001)
- Trong thực tế, FDI hỗn hợp (Hybrid FDI) cũng xảy ra (Markusen, 1997)
- Các doanh nghiệp có năng suất cao hơn có xu hướng ưu tiên FDI hỗn hợp (trường hợp Hàn Quốc: Hyun and Hur, 2013)

Trang 9/21

Nghiên cứu trước đây

Nghiên cứu thương mại quốc tế trên cơ sở vận đơn (B/L)

Ưu điểm của nghiên cứu thương mại quốc tế trên cơ sở vận đơn (Flaen et al., 2023)

- Cung cấp thông tin chi tiết về nhà xuất khẩu – nhà nhập khẩu – quốc gia giao thương – hàng hóa
- Dữ liệu tần suất cao (high-frequency)
- Công bố nhanh hơn so với dữ liệu do cơ quan thống kê công bố
- Có thể phân tích liên kết với dữ liệu khác bằng cách sử dụng mã doanh nghiệp (ID)

Gần đây có nhiều nghiên cứu khác:

- Bonfiglioli et al. (2021): Phân tích thay đổi mức độ tập trung tại thị trường nhập khẩu Mỹ
- Ganapati et al. (2024): Liên kết dữ liệu B/L và dữ liệu vị trí tàu, phân tích hiệu quả kinh tế của cảng chuyển tải
- Ở Hàn Quốc, nghiên cứu sử dụng dữ liệu B/L Việt Nam chỉ có Kim Bawoo et al. (2020; 2022), Choi Jung-hwan et al. (2023)

Trang 10/21

3. Dữ liệu phân tích

Mục lục

1. Bối cảnh nghiên cứu
2. Nghiên cứu trước đây
- 3. Dữ liệu phân tích**
4. Kết quả phân tích

Trang 11/21

Dữ liệu phân tích

Tổng quan về dữ liệu B/L Hải quan Việt Nam

- Phân tích dữ liệu B/L Hải quan Việt Nam mà Viện Nghiên cứu Công nghiệp mua thông qua công ty IHS
- Dữ liệu theo ngày từ năm 2019-2021, dữ liệu lớn hơn 100GB
- Dữ liệu xuất nhập khẩu do Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO) công bố và dữ liệu B/L không khớp hoàn toàn trong cùng kỳ nhưng trung bình khớp nhau, đảm bảo tính đại diện

Trang 12/21

Dữ liệu phân tích

Nhận dạng doanh nghiệp Hàn Quốc

- Để nhận dạng doanh nghiệp Hàn Quốc, trích xuất danh sách doanh nghiệp từ "Danh mục Doanh nghiệp Hàn Quốc Đầu tư ra Nước ngoài" của KOTRA và KOCHAM
- Loại bỏ Stop words và thử nghiệm Fuzzy matching (Choi Jung-hwan et al., 2024)
- Khớp đơn giản: Khoảng 1 nghìn, Fuzzy matching: Nhận dạng 3.371 doanh nghiệp
- Để bảo vệ thông tin bí mật doanh nghiệp, các doanh nghiệp được nhận dạng được gọi chung là doanh nghiệp Hàn Quốc, và sử dụng điều này để phân tích mô hình thương mại tổng thể của Việt Nam và mô hình thương mại của doanh nghiệp Hàn Quốc

Trang 13/21

4. Kết quả phân tích

Mục lục

1. Bối cảnh nghiên cứu
2. Nghiên cứu trước đây
3. Dữ liệu phân tích
- 4. Kết quả phân tích**

Trang 14/21

Kết quả phân tích

Các doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam chiếm hơn 1/3 tổng xuất khẩu và hơn 1/4 tổng nhập khẩu của Việt Nam

- Theo nghiên cứu đầu tiên sử dụng dữ liệu B/L Việt Nam của Kim Bawoo (2020), mức đóng góp của doanh nghiệp Hàn Quốc vào xuất khẩu toàn cầu của Việt Nam năm 2019 là 23,7%
- Các nghiên cứu sau đó ước tính tỷ lệ này trên 30% thông qua cải tiến phương pháp nhận dạng doanh nghiệp, cao hơn so với doanh nghiệp Nhật Bản (xuất khẩu 7,3%, nhập khẩu 8%)

So sánh mức đóng góp theo nghiên cứu

Nghiên cứu	Mức đóng góp	2019	2020	2021
Kim Bawoo et al. (2020)	Xuất khẩu	23,7%		
	Nhập khẩu	18,5%		
Kim Bawoo et al. (2022)	Xuất khẩu	30,9%	31,1%	31,2%
	Nhập khẩu	18,7%	20,8%	21,3%
Choi Jung-hwan et al. (2024)	Xuất khẩu	34,8%	33,9%	35,2%
	Nhập khẩu	26,3%	28,1%	30,0%

Trang 15/21

Kết quả phân tích

Cấu trúc mặt hàng xuất nhập khẩu của doanh nghiệp Hàn Quốc tập trung vào thiết bị thông tin, sản phẩm ICT

- Trong nhập khẩu, các sản phẩm ICT như mạch tích hợp IC, mạch in, linh kiện trung gian điện thoại di động cũng đứng đầu, trong khi độ phụ thuộc mặt hàng hàng đầu của doanh nghiệp Nhật Bản tương đối thấp, tạo ra sự tương phản

① Doanh nghiệp Hàn Quốc

Mặt hàng xuất khẩu (HS)	Tỷ trọng	Mặt hàng nhập khẩu (HS)	Giá trị (tỷ trọng)
Thiết bị thông tin (8517)	53,3%	Mạch tích hợp (8542)	25,9%
Linh kiện âm thanh hình ảnh (8529)	4,0%	Thiết bị thông tin (8517)	19,8%
Máy tính (8471)	3,6%	Linh kiện âm thanh hình ảnh (8529)	4,8%
Màn hình, máy chiếu (8528)	3,1%	Mạch in (8534)	2,7%
Linh kiện máy tính (8473)	2,9%	Ắc quy, pin (8507)	2,3%

② Doanh nghiệp Nhật Bản

Mặt hàng xuất khẩu (HS)	Tỷ trọng	Mặt hàng nhập khẩu (HS)	Giá trị (tỷ trọng)
Máy in (8443)	13,5%	Mạch tích hợp (8542)	8,9%
Cáp (8544)	13,2%	Ô tô (8703)	4,3%
Máy ảnh (9006)	4,1%	Linh kiện ô tô	4,0%
Động cơ điện (8501)	2,9%	Thiết bị điện	3,3%
Thiết bị y tế (9018)	2,8%	Thép cán nóng	2,6%

Trang 16/21

Kết quả phân tích

Các quốc gia xuất khẩu hàng đầu của doanh nghiệp Hàn Quốc là Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc, và hơn một nửa hàng hóa nhập khẩu là từ Hàn Quốc

- Tỷ trọng xuất khẩu của doanh nghiệp Hàn Quốc sang nước thứ ba như Mỹ là 85%, cao hơn doanh nghiệp Nhật Bản (64%)
- 52% hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp Hàn Quốc và 40% của doanh nghiệp Nhật Bản là nhập khẩu linh kiện/thiết bị từ nước mình

- Tỷ trọng ASEAN trong thương mại của doanh nghiệp Nhật Bản cao hơn một chút, do sự khác biệt trong chiến lược thâm nhập thị trường ASEAN của hai nước

Doanh nghiệp Hàn Quốc

Nước xuất khẩu	Tỷ trọng	Nước nhập khẩu	Tỷ trọng
Mỹ	20,8%	Hàn Quốc	51,9%
Trung Quốc	16,4%	Trung Quốc	25,0%
Hàn Quốc	14,3%	Singapore	5,0%
UAE	3,3%	Hồng Kông	3,8%
Hồng Kông	3,2%	Đài Loan	2,7%

Doanh nghiệp Nhật Bản

Nước xuất khẩu	Tỷ trọng	Nước nhập khẩu	Tỷ trọng
Nhật Bản	35,7%	Nhật Bản	40,0%
Mỹ	15,7%	Thái Lan	13,2%
Trung Quốc	10,4%	Trung Quốc	11,0%
Hồng Kông	4,2%	Hồng Kông	8,7%
Thái Lan	4,2%	Hàn Quốc	4,6%

Trang 17/21

Kết quả phân tích

Cả doanh nghiệp Hàn Quốc và Nhật Bản chủ yếu thực hiện thương mại gia công

- Hải quan Việt Nam phân loại xuất khẩu thành 16 loại và nhập khẩu thành 24 loại hình thương mại
- Cả doanh nghiệp Hàn Quốc và Nhật Bản đều có hơn 90% hàng hóa xuất khẩu thuộc thương mại gia công (E, Processing Trade)
- Về nhập khẩu, tỷ trọng thương mại gia công của doanh nghiệp Hàn Quốc (85,2%) cao hơn doanh nghiệp Nhật Bản (55,4%), cho thấy doanh nghiệp Hàn Quốc đang hình thành cấu trúc phân công lao động quốc tế tập trung mạnh vào gia công ủy thác

Trang 18/21

Kết luận

Nhận dạng doanh nghiệp Hàn Quốc và phân tích mô hình thương mại trên cơ sở dữ liệu B/L của Việt Nam

- So với doanh nghiệp Nhật Bản, doanh nghiệp Hàn Quốc ghi nhận mức đóng góp cao và tốc độ tăng trưởng cao trong thương mại Việt Nam, đặc biệt là vẫn tăng trưởng liên tục sau đại dịch Covid
- Thương mại của doanh nghiệp Hàn Quốc có tỷ trọng rất cao đối với một số sản phẩm ICT cụ thể và tỷ trọng xuất khẩu sang các nước ngoài ASEAN như Mỹ cao
- So với doanh nghiệp Nhật Bản, doanh nghiệp Hàn Quốc có mức độ tập trung cao về sản phẩm và quốc gia, cần đa dạng hóa để chuẩn bị cho rủi ro chuỗi cung ứng

Trang 19/21

Kết luận

Cần nhận thức chính xác về xu hướng rời khỏi Trung Quốc và giới hạn của nó trong bối cảnh tranh chấp thương mại Mỹ-Trung kéo dài, để chính phủ và doanh nghiệp đưa ra biện pháp đối phó

- Hiện tại, cấu trúc phân công lao động Hàn-Việt tương ứng với phân công lao động theo chiều dọc, nhưng khi sự khác biệt về nguồn lực sản xuất giảm, lợi ích của phân công lao động theo chiều dọc giảm
- Tranh chấp thương mại Mỹ-Trung kéo dài đang đẩy nhanh hiện tượng rời Trung Quốc của các doanh nghiệp lớn, trái lại việc Mỹ mở rộng kiểm soát nhập khẩu từ Trung Quốc đe dọa tính ổn định của cấu trúc phân công lao động theo chiều dọc
- Để đảm bảo cấu trúc đầu tư trực tiếp nước ngoài và thương mại bền vững, doanh nghiệp cần thường xuyên kiểm tra yếu tố rủi ro trong xuất khẩu
- Chính phủ cần thường xuyên kiểm tra các yếu tố có thể ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh của doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài thông qua các kênh đa dạng như hiệp định thương mại, và nỗ lực giải quyết khó khăn
- Nghiên cứu của Kim Bawoo (2022) đã cảnh báo về thay đổi chính sách thương mại như việc Trung Quốc mở rộng kiểm soát xuất khẩu, và có trường hợp đã trở thành hiện thực thông qua kiểm soát xuất khẩu năm 2024

Trang 20/21

Xin cảm ơn

Trang 21/21